

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Chiến.
2. Ông Vũ Kim Quy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 245/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020 về “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, S năm 1988. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn ., xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Anh Lê S, S năm 1974. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Địa chỉ: Thôn ., xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:

Chị V kết hôn với anh Lê S trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện K vào ngày 08/11/2006. Sau khi kết hôn, anh chị cư trú và S sống tại xã Q, huyện K. Đến năm 2015 chuyển đến cư trú tại thôn ., xã B, huyện K. Quá trình chung sống, đến năm 2017 thì phát S mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, sự việc xảy ra thường xuyên, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay.

Nhận thấy giữa chị và anh S không còn tình cảm, không còn thương yêu nhau, nên chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê S.

Về con chung: Chị V và anh S có 02 con chung: Lê Đức Tr, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2007 và Lê Thị Kim T1, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2009. Khi ly hôn, chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng anh chị.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Lê S để tham gia tố tụng thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự tại Tòa án. Nhưng anh S vắng mặt tại các buổi làm việc, không tham gia phiên họp và hòa giải, không tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56; 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

+ Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị V, cho chị V được ly hôn với anh Lê S.

+ Về con chung: Chị V và anh S có 02 con chung là Lê Đức T, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2007 và Lê Thị Kim T1, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2009. Quá trình tham gia tố tụng, chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Nhận thấy 02 con chung đang được chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, cần tiếp tục giao 02 cháu T và T1 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Khi ly hôn, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, đương sự xác nhận không có nên không đề cập giải quyết.

+ Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị V có đơn khởi kiện ly hôn anh Lê S và xin nuôi con chung. Hội đồng

xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*”. Bị đơn anh Lê S cư trú tại thôn ..., xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự để tham gia tố tụng, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lê S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị V và anh Lê S đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện K vào ngày 08/11/2006, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hòa hợp, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hai người đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị V yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị ly hôn anh S.

Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy, vợ chồng anh S, chị V đã xảy ra mâu thuẫn, hai người đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị V và anh S đã xảy ra trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V, cho chị V được ly hôn anh S là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- *Về con chung*: Chị V và anh S có 02 con chung là Lê Đức T, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2007 và Lê Thị Kim T1, S ngày 29 tháng 5 năm 2009, hiện đang sống với chị V. Quá trình giải quyết vụ án, chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Xét thấy yêu cầu trên của nguyên đơn phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế giữa các bên. Cần giao 02 cháu T và T1 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên, chị V không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

- *Về tài sản chung*: Nguyên đơn chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Nguyên đơn xác nhận không có nên không đề cập giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị V.

1/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị V và anh Lê S.

2/ Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là Lê Đức T, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2007 và Lê Thị Kim T1, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2009 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh S có quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana, biên lai số 14864 ngày 16 tháng 12 năm 2020.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đình Tuyên